

SỔ hướng dẫn sử dụng

Dell S2216H/S2316H

Số mẫu: S2216H/S2316H

Mẫu quy định: S2216Hc/S2316Hc/S2316Hb



Lưu ý, Chú ý và Cảnh báo



LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



CHÚ Ý: LƯU Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

© 2015-16 Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền.

Nghiêm cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức nếu không có văn bản cho phép của Dell Inc.

Các thương hiệu dùng trong tài liệu này: Logo *Dell* và *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft. Công ty tại Mỹ và/hoặc các quốc gia khác, *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Intel tại Mỹ và các quốc gia khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. *ENERGY STAR* là thương hiệu của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ. Là đối tác *ENERGY STAR*, chúng tôi xác nhận sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn của *ENERGY STAR* về hiệu quả năng lượng.

Các thương hiệu và nhãn hiệu khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để đề cập đến những cơ quan xác nhận nhãn hiệu và tên sản phẩm của họ. Dell Inc. khước từ bất cứ quyền sở hữu nào đối với các thương hiệu và nhãn hiệu ngoại trừ các thương hiệu và nhãn hiệu của chính chúng tôi.

Mục lục

Giới thiệu màn hình.....	5
Phụ kiện đóng gói.....	5
Tính năng sản phẩm	6
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển	8
Tính năng Cẩm Là Chạy	11
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD	11
Hướng dẫn bảo dưỡng	11
Lắp đặt màn hình.....	12
Cắm giá đỡ.....	12
Kết nối màn hình	13
Bố trí các loại cáp.....	14
Tháo giá đỡ màn hình	15
Sử dụng màn hình của bạn	16
Bật nguồn màn hình	16
Sử dụng các nút điều khiển mặt trước.....	16
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD).....	19

Cài đặt độ phân giải tối đa.....	32
Sử dụng chức năng Nghiêng	33

Khắc phục sự cố34


Tự kiểm tra	34
Chẩn đoán tích hợp.....	35
Các sự cố thường gặp	36
Sự cố liên quan đến sản phẩm	39
Phụ lục	40
Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác....	40
Liên hệ Dell	40
Cài Đặt Màn Hình.....	41


Thông số kỹ thuật màn hình.....43

Giới thiệu màn hình


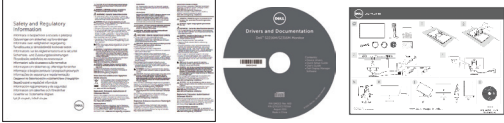
Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu phụ kiện nào.

 **LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

 **LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

	<ul style="list-style-type: none">• Màn hình
	<ul style="list-style-type: none">• Giá đỡ
	<ul style="list-style-type: none">• Chân đế
	<ul style="list-style-type: none">• Adapter nguồn
	<ul style="list-style-type: none">• Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)

	<ul style="list-style-type: none"> • Cáp HDMI
	<ul style="list-style-type: none"> • Đĩa chứa driver và tài liệu hướng dẫn • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định

Tính năng sản phẩm

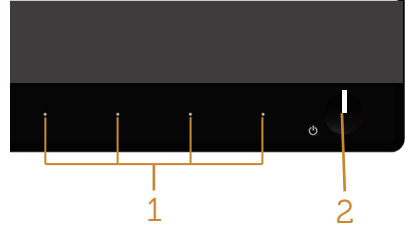
Màn hình phẳng **Dell S2216H_S2316H** tích hợp một màn hình tinh thể lỏng (LCD) ma trận hoạt động, bóng bán dẫn màng mỏng (TFT), và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- S2216H: Hiển thị vùng xem 54,61 cm (đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- S2316H: Hiển thị vùng xem 58,42 cm (đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc xem rộng cho phép xem từ vị trí ngồi hay đứng hoặc trong khi di chuyển từ bên này sang bên khác.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống.
- Kết nối VGA và HDMI cho phép kết nối dễ dàng với các hệ thống cũ và mới.
- 2 loa tích hợp (3W).
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Đĩa phần mềm và tài liệu hướng dẫn chứa File thông tin (INF), File tương thích màu sắc hình ảnh (ICM) và tài liệu mô tả sản phẩm.
- Kèm theo Phần mềm trình quản lý màn hình Dell (trên đĩa CD kèm theo màn hình).
- S2216H: Màn hình chứng nhận hợp chuẩn Energy Star ngoại trừ tại các khu vực châu Âu/châu Á - Thái Bình Dương.
- S2316H: Màn hình chứng nhận hợp chuẩn Energy Star ngoại trừ tại các khu vực châu Âu.
- Dell đăng ký các sản phẩm vào hệ thống xếp hạng thành tích môi trường EPEAT. Việc đăng ký EPEAT khác nhau theo từng quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết tình trạng đăng ký theo từng quốc gia.
- Khe khóa an toàn.
- Có thể chuyển từ tỷ lệ khung hình rộng sang tỷ lệ khung hình chuẩn mà vẫn giữ nguyên chất lượng hình ảnh.
- Màn hình được chứng nhận TCO.

- Khử chất chống cháy brom hóa (BFR)/nhựa PVC.
- Tỷ lệ tương phản động cao (8.000.000:1).
- Nguồn điện chờ 0,3 W khi ở chế độ chờ.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ bởi màn hình trong thời gian thực.

Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước

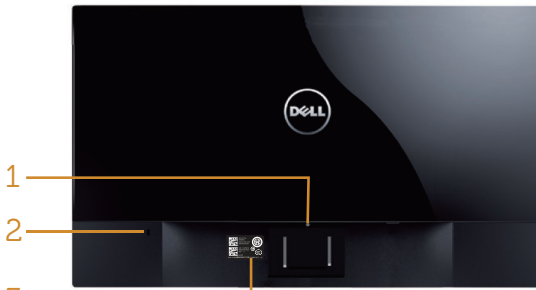


Các nút điều khiển ở mặt trước

Nhãn	Mô tả
1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình của bạn)
2	Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED)

LƯU Ý: Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

Mặt sau



Mặt sau không có giá đỡ màn hình



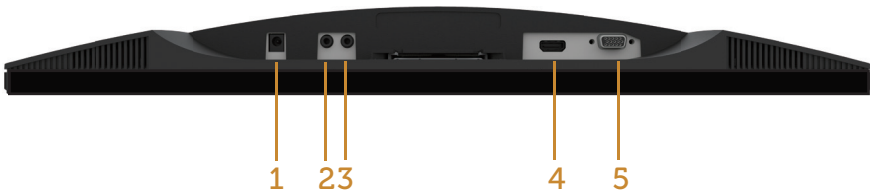
Mặt sau với giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình.
2	Khe khóa an toàn	Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (khóa an toàn không kèm theo màn hình).
3	Nhãn số sê ri mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
4	Khe cắm quản lý cáp	Dùng để bố trí các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này.
5	Nhãn quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.

Mặt bên



Mặt dưới



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng cắm adapter nguồn	Để cắm cáp nguồn màn hình bằng adapter chuyển tiếp DC 12V.
2	Cổng ra âm thanh	Kết nối với các loa ngoài (Đặt mua tùy chọn) *
3	Cổng vào âm thanh	Cắm cáp âm thanh (Đặt mua tùy chọn) từ thiết bị nguồn vào màn hình.
4	Cổng HDMI	Để cắm máy tính vào màn hình qua cáp HDMI.
5	Cổng VGA	Để kết nối máy tính với màn hình bằng cáp VGA.

* Sử dụng tai nghe không được hỗ trợ cho cổng ra âm thanh.

Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình của bạn](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.





CHÚ Ý: Đọc và tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn ẩm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.

Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Các bước sau áp dụng cho màn hình có giá đỡ.



Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Tháo nắp đậy và đặt màn hình lên đó.
2. Lắp khít hai then cài ở phần trên giá đỡ vào rãnh phía sau màn hình.
3. Ấn giá đỡ cho đến khi nó khóa khít.

Kết nối màn hình

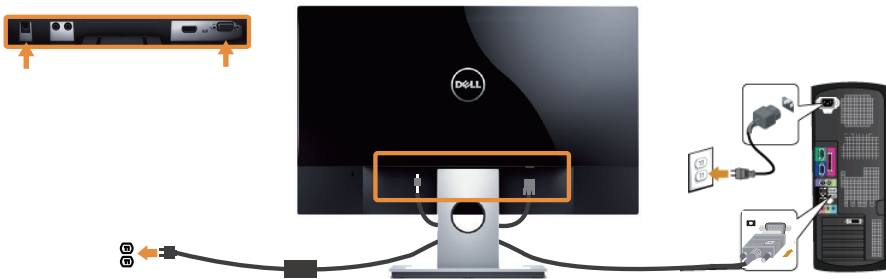
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

📝 LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Cắm cáp VGA/HDMI/âm thanh từ màn hình vào máy tính.

Cắm cáp VGA(Đặt mua tùy chọn)



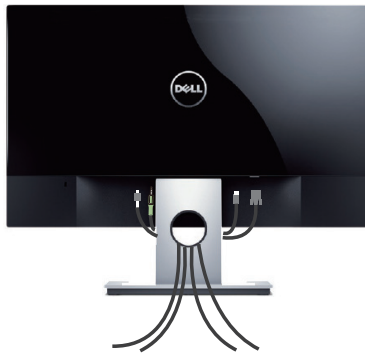
Cắm cáp HDMI



Cắm cáp âm thanh(Đặt mua tùy chọn)





Bố trí các loại cáp

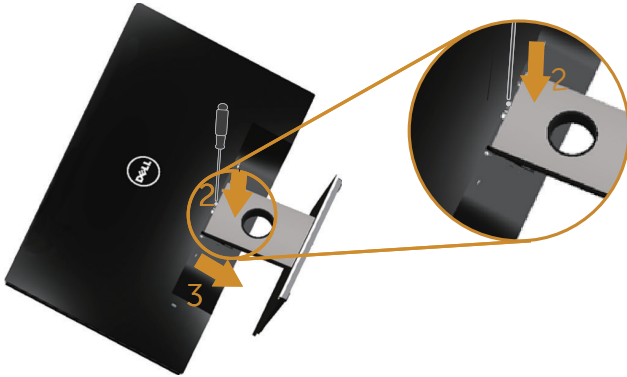


Sau khi bạn cắm mọi loại cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, hãy bố trí mọi loại cáp như hình minh họa ở trên.

LƯU Ý: Sau khi kết nối các loại cáp, bạn cần phải ngắt kết nối chúng thêm lần nữa để chuyển chúng qua lỗ.

Tháo giá đỡ màn hình

-  **LƯU Ý:** Để tránh màn hình LCD bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
-  **LƯU Ý:** Các bước sau áp dụng cho màn hình có giá đỡ.




Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót.
2. Dùng tua vít dài và mảnh để đẩy chốt nhỏ.
3. Một khi chốt đã được nhỏ, hãy tháo để giữ ra khỏi màn hình.

Sử dụng màn hình của bạn

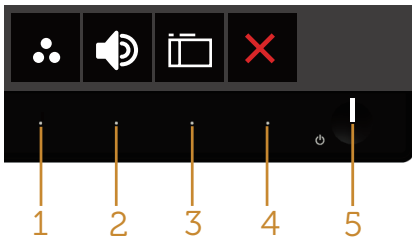
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.




Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Dùng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.

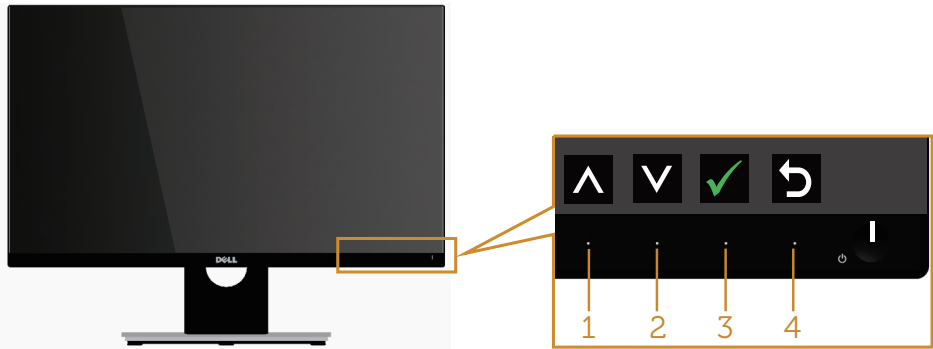



Bảng sau đây mô tả các nút ở mặt trước:




	Nút mặt trước	Mô tả
1	 Shortcut key (Phím tắt) / Preset Modes (Chê độ cài sẵn)	Dùng nút này để chọn từ danh sách chế độ cài sẵn.
	 Shortcut key/Volume (Phím tắt/Âm lượng)	Dùng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
	 Menu	Dùng nút MENU này để bật menu Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập menu OSD .
	 Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
2&3	 Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED)	Dùng nút Power (Nguồn) để On (Bật) và Off (Tắt) màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang Bật và hoạt động đầy đủ. Đèn trắng nhấp nháy cho biết chế độ tiết kiệm điện.

Các nút điều khiển menu OSD

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



	Nút mặt trước	Mô tả
1	 Lên	Dùng nút Lên để tăng các giá trị hoặc chuyển lên.

2	 Xuống	Dùng nút Xuống để chỉnh (giảm các phạm vi) các mục trong menu OSD.
3	 OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
4	 Trở về	Dùng nút Trở về để trở về menu trước.

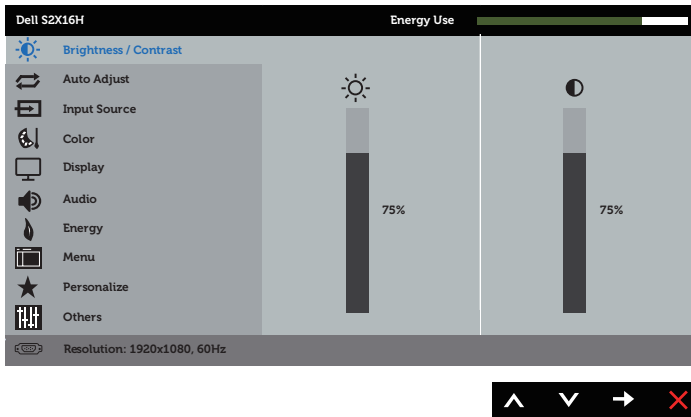
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)










Truy cập menu OSD


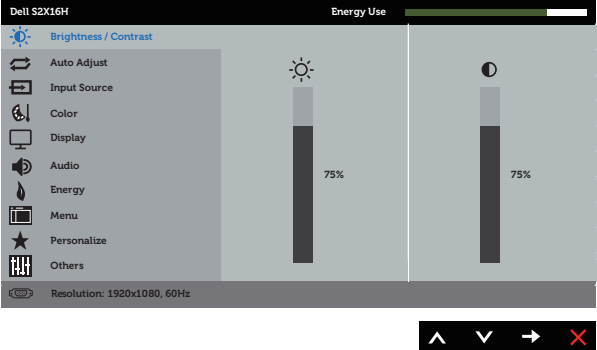




LƯU Ý: Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiếp tục chuyển sang một menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu lại các thay đổi này. Các thay đổi cũng được lưu lại nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó đợi menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.

Menu chính cho đầu vào (VGA) analog



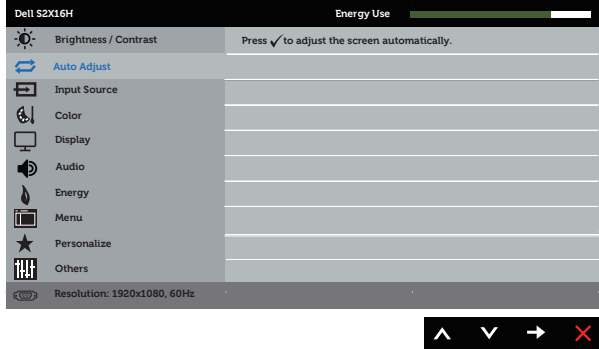
2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm. Xem bảng sau để biết danh sách hoàn chỉnh của tất cả tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  và sau đó sử dụng các nút  và , theo chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.

Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	<p>Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).</p> 
	Brightness (Độ sáng)	<p>Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng của đèn nền.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100).</p> <p>LƯU Ý: Tùy chọn chỉnh thủ công cho Brightness (Độ sáng) sẽ bị tắt khi chuyển Dynamic Contrast (Độ tương phản động) sang On (Bật).</p>
	Contrast (Độ tương phản)	<p>Chỉnh Brightness (Độ sáng) trước rồi chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần phải chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100).</p> <p>Chức năng Contrast (Độ tương phản) sẽ chỉnh mức độ khác biệt giữa mức sáng và mức tối trên màn hình..</p>



Auto Adjust (Chỉnh tự động)

Dùng nút này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.



Hộp thoại sau hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sáng đầu vào hiện hành:

Auto Adjustment in Progress...

Chức năng Chỉnh tự động cho phép màn hình tự chỉnh sáng tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động), bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (Thô) và Phase (Pha) (Mịn) trong Display Settings (Cài đặt hiển thị).

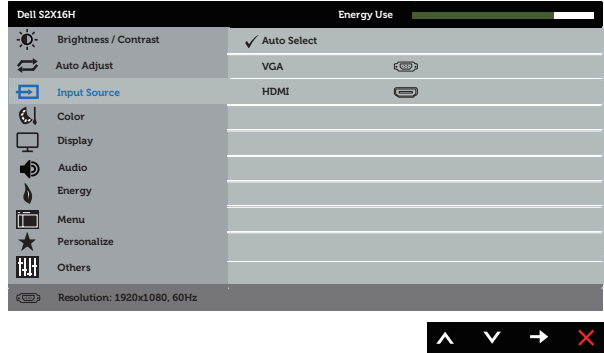
LƯU Ý: Auto Adjust (Chỉnh tự động) không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.

Tùy chọn này chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.



Input Source (Nguồn vào)

Dùng menu Input Source (Nguồn vào) để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



Auto Select (Chọn tự động)

Chọn Auto Select (Chọn tự động) để dò tìm các tín hiệu đầu vào khả dụng.

VGA

Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) analog. Nhấn **→** để chọn nguồn vào VGA.

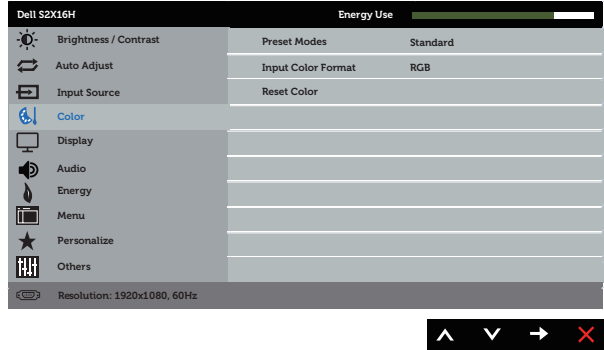
HDMI

Chọn đầu vào HDMI khi bạn đang sử dụng đầu cắm (HDMI) kỹ thuật số. Nhấn **→** để chọn nguồn vào HDMI.



Color (Màu sắc)



Dùng Color (Màu sắc) để chỉnh chế độ cài đặt màu.

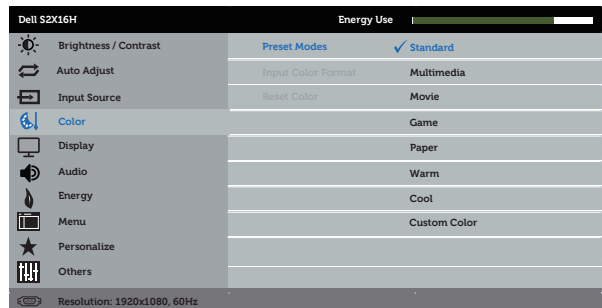


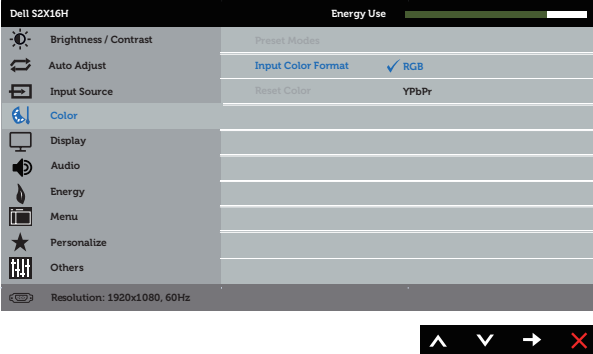








Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

Khi chọn Preset Modes (Chế độ cài sẵn), bạn có thể chọn Standard (Chuẩn), Multimedia (Đa phương tiện), Movie (Phim), Game (Trò chơi), Paper (Văn bản), Warm (Nóng), Cool (Nguội) hoặc Custom Color (Màu tùy chỉnh) từ danh sách.

- Standard (Chuẩn): Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- Multimedia (Đa phương tiện): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- Movie (Phim): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- Game (Trò chơi): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi game.
- Paper: Nạp các cài đặt độ sáng và độ sắc nét lý tưởng để đọc văn bản. Kết hợp phong nền văn bản để mô phỏng phương tiện văn bản mà không ảnh hưởng đến các hình màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.
- Warm (Nóng): Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- Cool (Nguội): Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- Custom Color (Màu tùy chỉnh): Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.

Nhấn các nút  và  để chỉnh ba giá trị màu (Đỏ, Lục, Lam) và tạo chế độ màu riêng cài sẵn của bạn.

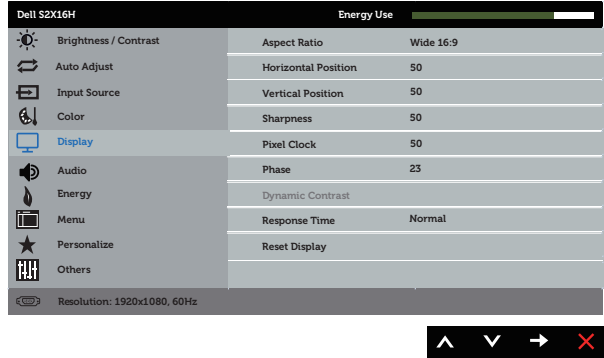


	<p>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</p>	<p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> • RGB (Đỏ-Lục-Lam): Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn đã được kết nối với máy tính hoặc đầu phát DVD qua cáp HDMI. • YPbPr (Lục-Lam-Đỏ): Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr. 
	<p>Hue (Tông màu)</p>	<p>Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu da mong muốn. Dùng  hoặc  để chỉnh tông màu từ 0 đến 100.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng xanh lục của hình video.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng màu tím của hình video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Hue (Tông màu) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
	<p>Saturation (Độ bão hòa)</p>	<p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video. Dùng  hoặc  để chỉnh độ bão hòa từ '0' đến '100'.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng đơn sắc của hình video.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Saturation (Độ bão hòa) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
	<p>Reset Color (Cài lại màu)</p>	<p>Cho phép cài đặt màu sắc màn hình về cài đặt gốc.</p>



Display (Hiện thị)

Sử dụng Display (Hiện thị) để chỉnh hình.



Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Chỉnh tỷ lệ hình sang Wide 16:9 (Rộng 16:9), 4:3 hoặc 5:4.

Horizontal Position (Vị trí ngang)

Dùng các nút hoặc để chỉnh hình ảnh sang trái và phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Vertical Position (Vị trí dọc)

Dùng các nút hoặc để chỉnh hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Sharpness (Độ sắc nét)

Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng hoặc để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)

Các điều chỉnh Pha và Đồng hồ điểm ảnh cho phép chỉnh màn hình sang lựa chọn ưu tiên của bạn. Dùng các nút hoặc để chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Phase (Pha)

Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Pha, hãy sử dụng điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh (thô) và sau đó sử dụng lại Pha (mịn). Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Dynamic Contrast (Độ tương phản động)


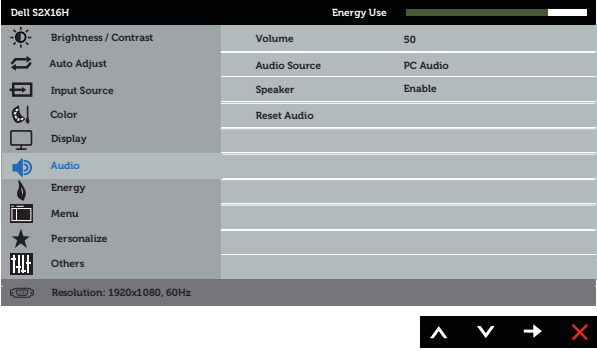

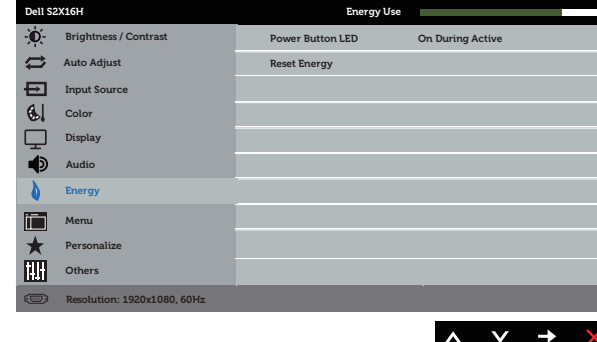
Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.


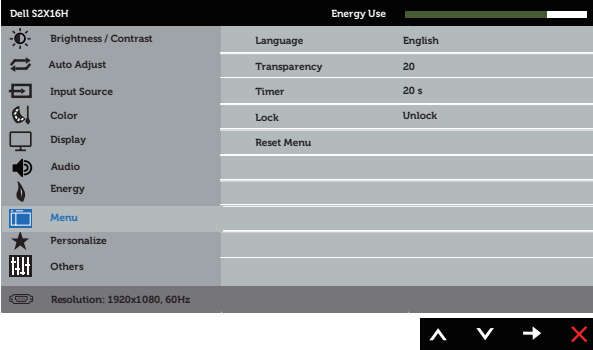
Nhấn nút để cài Dynamic Contrast (Độ tương phản động) sang On (Bật) hoặc "Off (Tắt)".

LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động) cung cấp độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn Game (Trò chơi) hoặc Movie (Phim).

Response Time (Thời gian hồi đáp)

Người dùng có thể chọn giữa Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường).

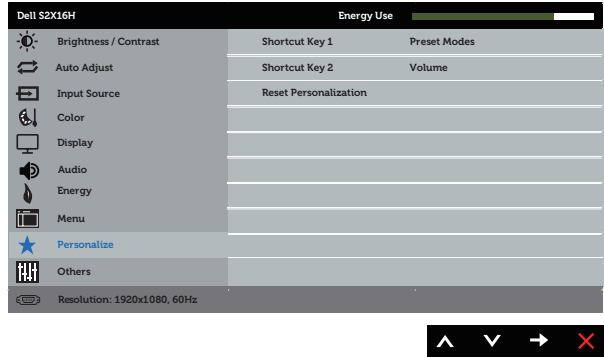
	Reset Display (Thiết lập lại cài đặt màn hình)	Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.
	Audio (Âm thanh)	
	Volume (Âm lượng)	Dùng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
	Audio Source (Nguồn âm thanh)	Cho phép bạn cài chế độ Nguồn âm thanh sang: <ul style="list-style-type: none"> • PC Audio (Âm thanh PC) • HDMI (Giao diện đa phương tiện độ nét cao)
	Speaker (Loa)	Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng loa.
	Reset Audio (Cài lại âm thanh)	Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.
	Energy (Năng lượng)	
	Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)	Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang On During Active (Bật trong khi hoạt động) hoặc Off During Active (Tắt trong khi hoạt động) để tiết kiệm điện.
	Reset Energy (Cài lại năng lượng)	Chọn tùy chọn này để phục hồi Energy settings (Cài đặt năng lượng) mặc định.

	<p>Menu</p>	<p>Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...</p> 
	<p>Language (Ngôn ngữ)</p>	<p>Tùy chọn Language (Ngôn ngữ) sẽ cài màn hình OSD sang một trong tám thứ tiếng sau (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản thể hoặc Nhật).</p>
	<p>Transparency (Độ trong suốt)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút ▲ và ▼ từ 0 đến 100.</p>
	<p>Timer (Hẹn giờ)</p>	<p>OSD Hold Time (Giờ giữ menu OSD): cài thời lượng mà menu OSD sẽ vẫn hoạt động sau lần nhất nút gần nhất. Sử dụng ▲ hoặc ▼ để chỉnh con trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.</p>
	<p>Lock (Khóa)</p>	<p>Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Khi đã chọn Lock (Khóa), bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút đều bị khóa.</p> <p>LƯU Ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lock (Khóa) – Khóa mềm (qua menu OSD) hoặc khóa cứng (nhấn và giữ nút bên trong nút nguồn trong 10 giây) • Unlock (Mở khóa) – Chỉ mở khóa cứng (nhấn và giữ nút bên trong nút nguồn trong 10 giây)
	<p>Reset Menu (Thiết lập lại cài đặt menu)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.</p>



Personalize (Cá nhân hóa)

Người dùng có thể chọn một tính năng từ Shortcut Key (Phím tắt) 1, Shortcut Key (Phím tắt) 2, Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa), Preset Modes (Chế độ cài sẵn) hoặc Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) và cài nó làm phím tắt.



Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto Adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) và Volume (Âm lượng) để cài làm Shortcut Key (Phím tắt) 1.

Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)

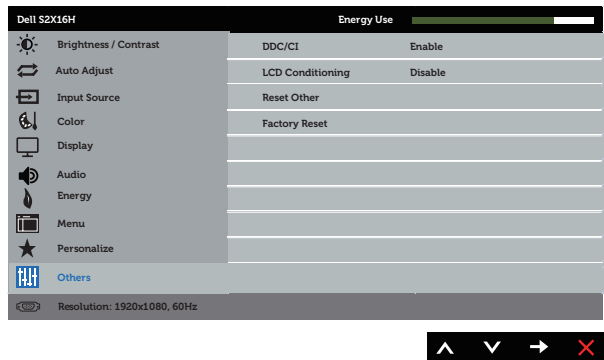
Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto Adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) và Volume (Âm lượng) để cài làm Shortcut Key (Phím tắt) 2.

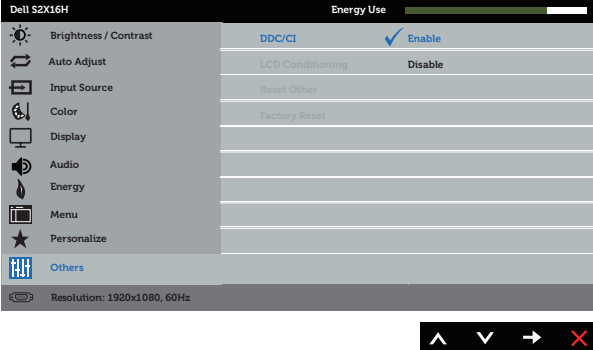
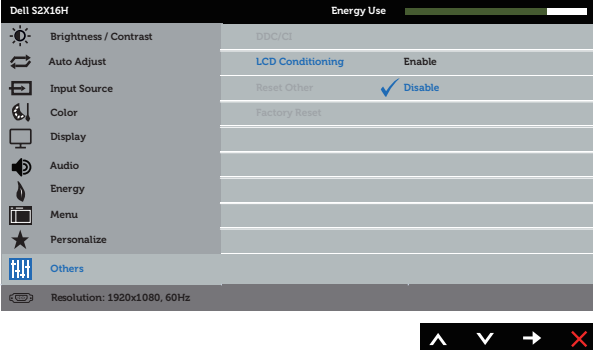
Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)


Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.



Others (Khác)

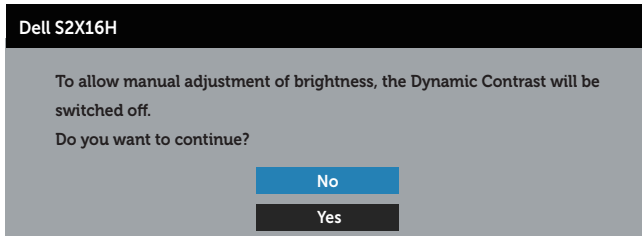


	<p>DDC/CI</p>	<p>DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính.</p> <p>Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Disable (Tắt). Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.</p> 
	<p>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</p>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật điều tiết màn hình LCD, chọn Enable (Bật).</p> 
	<p>Reset Other (Thiết lập lại cài đặt khác)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu cài đặt Others (Khác) về giá trị mặc định gốc.</p>
	<p>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt về giá trị mặc định gốc.</p>

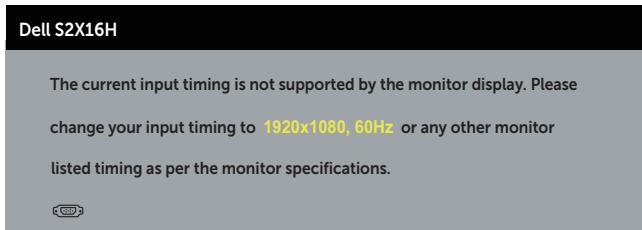
 **LƯU Ý:** Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

Thông tin cảnh báo OSD

Khi đã bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong các chế độ cài sẵn sau: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**), việc điều chỉnh độ sáng thủ công sẽ được tắt.

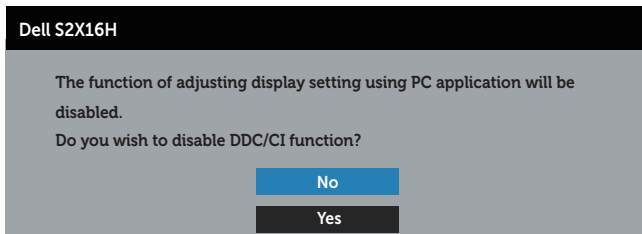


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết các biên độ tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080.

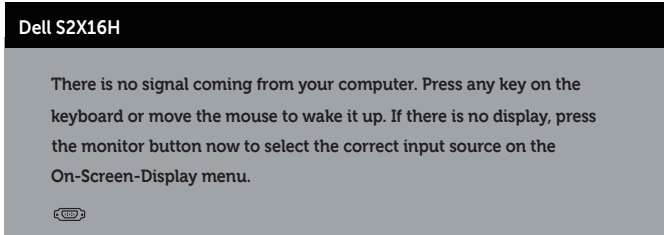
Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau đây trước khi chức năng **DDC/CI** bị tắt:



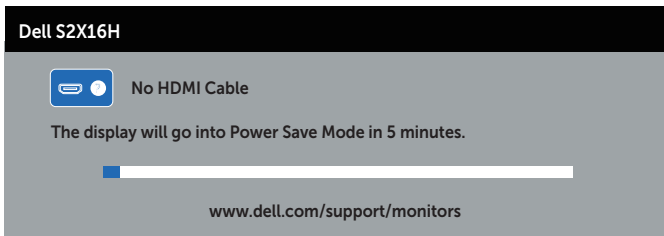
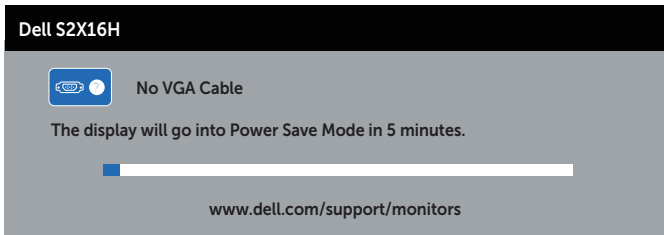
Khi màn hình vào **Power Save Mode (Chế độ tiết kiệm điện)**, thông báo sau sẽ hiển thị:



Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:



Nếu chưa cắm cáp VGA hoặc HDMI, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào Power Save Mode (Chế độ tiết kiệm điện) sau 5 phút nếu vẫn còn nằm ở trạng thái này.



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách Screen Resolution (Độ phân giải) sổ xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy 1920 x 1080 như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.

Sử dụng chức năng Nghiêng

LƯU Ý: Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kỳ loại giá đỡ nào khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

Xoay màn hình

Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình phải được kéo dài hoàn toàn theo hướng thẳng và đặt nghiêng lên hoàn toàn để tránh chạm mép dưới màn hình.

LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



Khắc phục sự cố

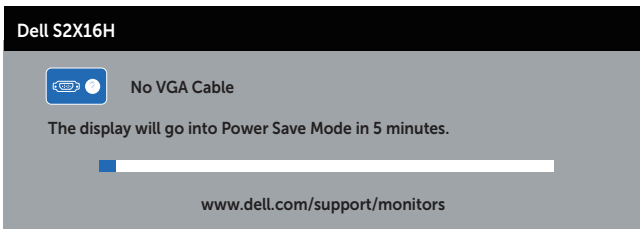
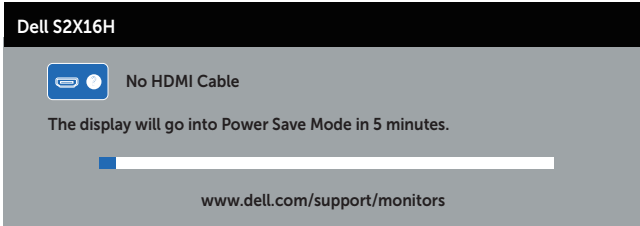
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút cáp video khỏi mặt sau máy tính. Để đảm bảo sử dụng thao tác Tự kiểm tra đúng cách, hãy rút tất cả các loại cáp kỹ thuật số và analog ra khỏi mặt sau máy tính.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.




✍ LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

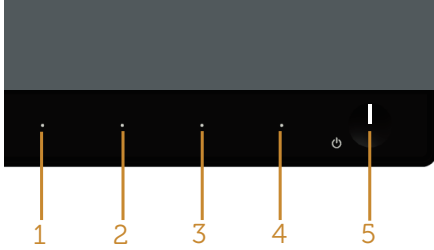
4. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình vẫn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động thích hợp.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

 **LƯU Ý:** Bạn chỉ có thể chạy hệ chẩn đoán tích hợp khi rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ đồng thời **Nút 1** và **Nút 4** trong 2 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn lại **Nút 4** ở mặt trước. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, trắng, đen và văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại **Nút 4**.

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.

Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt	Không có hình	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn vào).
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật	Không có hình hoặc không sáng	<ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn vào).
Lấy nét kém	Hình bị mờ, nhòe hoặc có bóng mờ	<ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.
Video rung/chập chờn	Hình gợn sóng hoặc chuyển động chậm	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có các chấm	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors.
Điểm ảnh bị dính	Màn hình LCD có các chấm sáng	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Sự cố độ sáng	Hình quá mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.

Méo hình	Màn hình không canh giữa thích hợp	<ul style="list-style-type: none"> Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD.
Đường ngang/ dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Sự cố đồng bộ hóa	Màn hình bị chong lấp hoặc có vệt bị vỡ	<ul style="list-style-type: none"> Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chong lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.
Sự cố liên quan đến an toàn	Các dấu hiệu khói hay tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	Giám sát hồng hóc bật & tắt	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc) (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	Hình ảnh thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.
Màu sắc không đúng	Màu sắc hình ảnh không đẹp	<ul style="list-style-type: none"> Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD Color Settings (Cài đặt màu) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. Thử dụng Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD cài đặt Color (Màu). Chỉnh giá trị R/G/B (Đỏ/Lục/Lam) trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên menu OSD cài đặt Color (Màu). Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB hoặc YPbPr trong menu OSD cài đặt Color (Màu). Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.



Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Sử dụng tính năng Power Management (Quản lý nguồn) để tắt màn hình vào bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn điện).• Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.
Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video	Hình di động hình như có vết bóng mờ hoặc cạnh sáng.	<ul style="list-style-type: none">• Đổi Response Time (Thời gian hồi đáp) trong menu OSD Display (Hiển thị) sang Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.

Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	Ảnh được canh giữa màn hình nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD cài đặt Display (Hiển thị).• Cài màn hình về Factory Settings (Cài đặt mặc định gốc)(Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt bên cạnh	Menu OSD không hiển thị trên màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút phía trên nút Power (Nguồn) trong 10 giây để mở khóa. (Để biết thêm chi tiết, xem Lock (Khóa)).
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	Không có hình, đèn LED màu trắng	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.• ∞Thiết lập lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	Ảnh không lấp đầy chiều cao hay trải rộng trên toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.

Phụ lục

CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn

-  **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.
-  **CẢNH BÁO:** Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.


Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác

Để có các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

-  **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.


Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

1. Truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu **Choose A Country/Region (Chọn quốc gia/khu vực)** số xuống ở cuối trang.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

-  **CẢNH BÁO:** Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

Cài Đặt Màn Hình

Cài đặt độ phân giải màn hình

Để đạt hiệu suất hiển thị tối ưu bằng các hệ điều hành Microsoft Windows, cài độ phân giải màn hình sang **1920 x 1080** pixels bằng cách thực hiện các bước sau:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách Screen Resolution (Độ phân giải) sổ xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải đề nghị dưới dạng một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver card đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các bước hướng dẫn.

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell™ kết nối internet

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa..
2. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang **1920 x 1080**, vui lòng liên hệ với Dell™ để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell™

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp chọn **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt hiển thị)**.
4. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để tải driver cập nhật (ví dụ: www.ATI.com HOẶC www.NVIDIA.com).

7. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải đề nghị, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua loại card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng

Mẫu	S2216H	S2316H
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	Chuyển đổi trên mặt phẳng	Chuyển đổi trên mặt phẳng
Hình có thể xem		
Nghiêng	54,61 cm (21,5 inch)	58,42 cm (23 inch)
Vùng hoạt động ngang	476,06 mm (18,74 inch)	509,18 mm (20,05 inch)
Vùng hoạt động dọc	267,78 mm (10,54 inch)	286,41 mm (11,28 inch)
Vùng	1274,79 cm ² (197,59 inch ²)	1458,34 cm ² (226,04 inch ²)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,248 mm	0,265mm
Góc xem (dọc/ngang)	178°/178° (chuẩn)	178°/178° (chuẩn)
Công suất độ sáng	250 cd/m ² (chuẩn)	250 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động)	1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động)
Lớp phủ bề mặt	Ít sương mù với lớp phủ cứng 3H	Ít sương mù với lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền	Hệ thống đèn LED viền
Thời gian đáp ứng	Chuẩn 6 mili giây - xám sang xám	Chuẩn 6 mili giây - xám sang xám
Độ sâu màu	16,78 triệu màu	16,78 triệu màu
Gam màu	82% (chuẩn)*	82% (chuẩn)*

*Gam màu (chuẩn) của [S2216H/S2316H] dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976(82%) và CIE1931(72%).

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	S2216H	S2316H
Dải quét ngang	30 kHz - 83 kHz (tự động)	30 kHz - 83 kHz (tự động)
Dải quét dọc	56 Hz - 76 Hz (tự động)	56 Hz - 76 Hz (tự động)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	1920 x 1080 ở tần số 60 Hz	1920 x 1080 ở tần số 60 Hz

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	S2216H & S2316H	
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> • RGB (Đỏ-Lục-Lam) analog, 0,7 V +/- -5%, cực dương với trở kháng đầu vào 75 ohm • HDMI1.4, 600 mV cho từng vạch khác biệt, cực dương với trở kháng đầu vào 100 ohm 	
Tín hiệu đầu vào đồng bộ	Đồng bộ ngang và dọc riêng biệt, mức TTL vô cực, SOG (ĐỒNG BỘ tổng hợp màu lục)	
Dòng điện khởi động	120 V:30 A (Tối đa) 240 V:60 A (Tối đa)	
Adapter AC/DC (điện xoay chiều/một chiều)*	Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào	Adapter Delta ADP-40DD B: 100 VAC đến 240 VAC/ 50 Hz đến 60 Hz ± 3 Hz/1,5 A (Tối đa), Adapter Lite-On PA-1041-81: 100 VAC đến 240 VAC/ 50 Hz đến 60 Hz ± 3 Hz/1,2 A (Tối đa).
	Điện áp/dòng điện đầu ra	Đầu ra: 12VDC/3,33A

Đặc tính vật lý

Mẫu	S2216H	S2316H
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số: có thể tháo rời, HDMI, 19 chấu. • Analog: cáp rời D-Sub 15 chấu 	<ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số: có thể tháo rời, HDMI, 19 chấu. • Analog: cáp rời D-Sub 15 chấu
Kích thước (có giá đỡ)		
Chiều cao	385,7 mm (15,19 inch)	404,2 mm (15,91 inch)
Chiều rộng	488 mm (19,21 inch)	520,7 mm (20,50 inch)
Độ dày	179,9 mm (7,08 inch)	179,9 mm (7,08 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)		
Chiều cao	293,1 mm (11,54 inch)	311,6 mm (12,27 inch)
Chiều rộng	488 mm (19,21 inch)	520,7 mm (20,50 inch)
Độ dày	54,2 mm (2,13 inch)	54,2 mm (2,13 inch)
Kích thước giá đỡ		
Chiều cao	177 mm (6,97 inch)	177 mm (6,97 inch)
Chiều rộng	250 mm (9,84 inch)	250 mm (9,84 inch)
Độ dày	179,9 mm (7,08 inch)	179,9 mm (7,08 inch)
Trọng lượng		
Trọng lượng có thùng đựng	5,20 kg (11,46 pound)	5,60 kg (12,34 pound)
Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	3,60 kg (7,93 pound)	3,90 kg (8,60 pound)
Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ	2,60 kg (5,73 pound)	2,90 kg (6,39 pound)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	0,54 kg (1,19 pound)	0,54 kg (1,19 pound)
Độ bóng khung trước (tối thiểu)	Khung sau – 85 đơn vị độ bóng	Khung sau - 85 đơn vị độ bóng

Đặc tính môi trường

Mẫu		S2216H	S2316H
Nhiệt độ			
Sử dụng		0°C - 40°C (32°F - 104°F)	
Không sử dụng	Bảo quản	<ul style="list-style-type: none"> -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) 	
	Vận chuyển	<ul style="list-style-type: none"> -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) 	
Độ ẩm			
Sử dụng		10% đến 80% (không ngưng tụ)	
Không sử dụng		<ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ) 	
Độ cao			
Sử dụng (tối đa)		5.000 m (16.400 ft)	
Không sử dụng (tối đa)		12.192 m (40.000 ft)	
Công suất tản nhiệt		<ul style="list-style-type: none"> 102,3 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 75,02 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn) 	<ul style="list-style-type: none"> 115,94 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 78,43 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)

Chế độ quản lý nguồn điện

Nếu bạn đã cài đặt card màn hình hay phần mềm tuân thủ chuẩn DPM™ VESA vào máy tính, màn hình sẽ tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này gọi là Power Save Mode (Chế Độ Tiết Kiệm Điện)*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ tắt khi rút cáp chính ra khỏi màn hình.

S2216H

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	30 W (tối đa)** 22 W (chuẩn)
Chế độ hoạt động tắt	Không hoạt động	Không hoạt động	Đề trống	Trắng (Phát sáng)	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Dưới 0,3 W

Energy Star	Mức tiêu thụ điện
Chế độ bật	18,5W***

S2316H

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	34 W (tối đa)** 23 W (chuẩn)
Chế độ hoạt động tắt	Không hoạt động	Không hoạt động	Để trống	Trắng (Phát sáng)	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Dưới 0,3 W

Energy Star	Mức tiêu thụ điện
Chế độ bật	20,5 W***

**Mức tiêu thụ điện tối đa với độ sáng tối đa.

*** Tiêu thụ năng lượng (Chế độ bật) được thử nghiệm ở mức 230 vôn/50 Hz.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

 **LƯU Ý:** S2216H: Màn hình chứng nhận hợp chuẩn Energy Star ngoại trừ tại các khu vực châu Âu/châu Á - Thái Bình Dương.

S2316H: Màn hình chứng nhận hợp chuẩn Energy Star ngoại trừ tại các khu vực châu Âu.

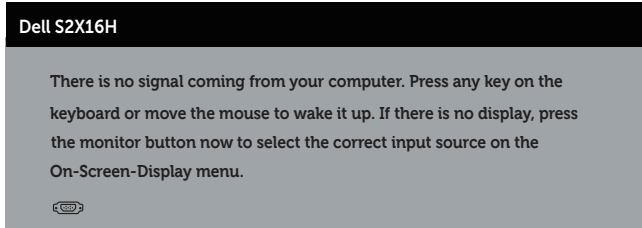
Dell đăng ký các sản phẩm vào hệ thống xếp hạng thành tích môi trường EPEAT. Việc đăng ký EPEAT khác nhau theo từng quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết tình trạng đăng ký theo từng quốc gia.



Thông số kỹ thuật loa

Mẫu	S2216H	S2316H
Công suất định mức của loa	2 x 3 W	2 x 3 W
Đáp ứng tần số	200 Hz - 20 kHz	200 Hz - 20 kHz
Trở kháng	8 ohm	8 ohm

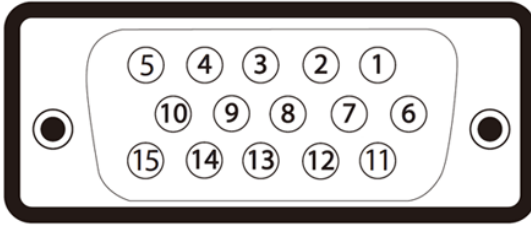
Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất kỳ nút nào ở chế độ Active-off (Hoạt động tắt), thông báo sau sẽ hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

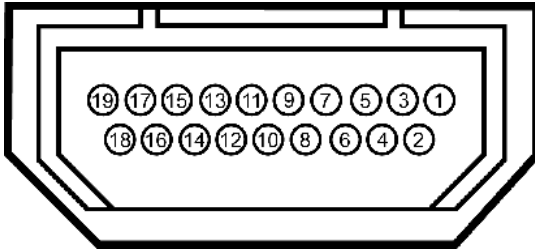
Cách gán châu cắm

Đầu cắm cáp VGA



Số châu cắm	15-Phía 15 châu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	Nối đất
5	Tự kiểm tra
6	Nối đất-Đỏ
7	Nối đất-Lục
8	Nối đất-Lam
9	Máy tính 5V/3,3V
10	Nối đất-đồng bộ
11	Nối đất
12	Dữ liệu DDC
13	Đ.bộ ngang
14	Đ.bộ dọc
15	Đồng hồ DDC

Cổng cắm HDMI



Số chấu cắm	Phía 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	Dữ liệu T.M.D.S. 2-
2	Bảo vệ dữ liệu T.M.D.S. 2
3	Dữ liệu T.M.D.S. 2+
4	Dữ liệu T.M.D.S. 1+
5	Bảo vệ dữ liệu T.M.D.S. 1
6	Dữ liệu T.M.D.S. 1-
7	Dữ liệu T.M.D.S. 0+
8	Bảo vệ dữ liệu T.M.D.S. 0
9	Dữ liệu T.M.D.S. 0-
10	Đồng hồ T.M.D.S. +
11	Bảo vệ đồng hồ T.M.D.S.
12	Đồng hồ T.M.D.S. -
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	SCL
16	SDA
17	Tiếp đất DDC/CEC
18	Nguồn điện +5V
19	Phát hiện cắm nóng